

CHƯƠNG II

QUẢN TRỊ VỐN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP

I- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ VỐN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP.

1/ Tài sản cố định của doanh nghiệp.

1.1 Khái niệm tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn 4 tiêu chuẩn cơ bản sau:- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

- Nguyên giá tài sản cố định phải được xác định một cách đáng tin cậy.

- Phải có thời gian sử dụng tối thiểu, thường từ 1 năm trở lên.

- Phải đạt giá trị tối thiểu ở một mức quy định.(Quy định hiện nay là 10 triệu đồng).

Những công cụ lao động không đủ các tiêu chuẩn quy định trên được coi là những công cụ lao động nhỏ, được mua sắm bằng nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên trong thực tế việc xem xét tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ của doanh nghiệp là phức tạp hơn.

Một là: Việc phân biệt giữa đối tượng lao động và tư liệu lao động là TSCĐ của doanh nghiệp trong một số trường hợp không chỉ đơn thuần dựa vào đặc tính hiện vật mà còn phải dựa vào tính chất và công dụng của chúng trong quá trình SXKD. Bởi vì có thể cùng một tài sản ở trường hợp này được coi là TSCĐ song ở trường hợp khác chỉ được coi là đối tượng lao động.

Ví dụ máy móc thiết bị, nhà xưởng ... dùng trong sản xuất là các TSCĐ song nếu đó là các sản phẩm mới hoàn thành, đang được bảo quản trong kho thành phẩm, chờ tiêu thụ hoặc là các công trình xây dựng cơ bản chưa bàn giao, thì chỉ được coi là đối tượng lao động.

Tương tự, trong sản xuất nông nghiệp những gia súc được sử dụng làm sức kéo, sinh sản thì được coi là TSCĐ, song nếu chỉ là các vật nuôi để lấy thịt thì chỉ là các đối tượng lao động.

Hai là : một số các tư liệu lao động nếu xét riêng lẻ từng bộ phận thì không đủ các tiêu chuẩn trên, song lại được tập hợp sử dụng đồng bộ như một hệ thống thì cả hệ thống đó được coi như một TSCĐ. Ví dụ : như trang thiết bị cho một phòng thí nghiệm, một văn phòng, một phòng ở của khách sạn ...

Ba là : trong điều kiện phát triển và mở rộng các quan hệ hàng hóa tiền tệ, sự phát triển và ứng dụng nhanh chóng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cũng như nét đã thù trong hoạt động đầu tư của một số ngành nên một số khoản chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp,

nếu đồng thời thỏa mãn hai tiêu chuẩn cơ bản trên và không hình thành các TSCĐ hữu hình thì được coi là TSCĐ vô hình của doanh nghiệp. Ví dụ các chi phí mua bằng phát minh sáng chế, bản quyền tác giả, các chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí chuẩn bị cho khai thác ...

Đặc điểm chung của TSCĐ là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất sản phẩm. Trong quá trình đó hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ là không thay đổi. Song giá trị của nó được chuyển dịch dần từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị này được chuyển dịch và cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và được bù đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

1.2 Khái niệm vốn cố định :

Vốn cố định là giá trị ứng trước nằm trong TSCĐ. Mà đặc điểm của nó là luân chuyển dần dần từng phần trong nhiều chu kỳ sản xuất và hoàn thành một vòng tuần hoàn khi TSCĐ hết thời gian sử dụng.

2. Phân loại TSCĐ trong doanh nghiệp :

a. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện :

- TSCĐ hữu hình : như máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc ... tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.
- TSCĐ vô hình : là những tài sản không có hình thái vật chất thể hiện một lượng giá trị đã đầu tư như chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả ...

- TSCĐ thuê tài chính : là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định tại hợp đồng thuê tài chính, ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

b. Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng :

- TSCĐ dùng cho mục đích kinh doanh
- TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng
- TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ, cất giữ hộ cho nhà nước

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp thấy được cơ cấu TSCĐ của mình theo mục đích sử dụng của nó. Từ đó có biện pháp quản lý tài sản cố định theo mục đích sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

c. Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng :

- TSCĐ đang sử dụng
- TSCĐ chưa cần dùng
- TSCĐ không cần dùng chờ thanh lý

Cách phân loại này cho thấy mức độ sử dụng có hiệu quả các TSCĐ của doanh nghiệp như thế nào, từ đó có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng chúng.

II. Xác định nguyên giá TSCĐ :

1. Xác định nguyên giá TSCĐ hữu hình :

a/ TSCĐ loại mua sắm :(mới và cũ)

Nguyên giá bao gồm giá thực tế phải trả; lãi tiền vay đầu tư cho TSCĐ khi chưa đưa TSCĐ vào sử dụng; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí sửa chữa, tân trang trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng; chi phí lắp đặt, chạy thử, thuế và lệ phí trước bạ(nếu có).

b/ TSCĐ loại đầu tư xây dựng:

Nguyên giá TSCĐ là giá quyết toán công trình xây dựng(theo quy định điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

c/ TSCĐ loại được cấp, được điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ ở các đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển ... hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận và các chi phí tân trang , chi phí sửa chữa; chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt chạy thử; lệ phí trước bạ(nếu có) mà bên nhận tài sản phải chi ra trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

d/ TSCĐ loại được cho, được biếu, được tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa... :

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận; các chi phí tân trang, sửa chữa TSCĐ; chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt chạy thử; lệ phí trước bạ(nếu có) mà bên nhận tài sản phải chi ra trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

2. Xác định nguyên giá TSCĐ vô hình:

a/ Chi phí thành lập doanh nghiệp: Là các chi phí thực tế có liên quan trực tiếp tới việc chuẩn bị thành lập doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí cho công tác nghiên cứu, thăm dò, lập dự án đầu tư thành lập doanh nghiệp, chi phí thẩm định dự án, họp thành lập...

b/ Chi phí nghiên cứu, phát triển: Là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp chi ra để thực hiện các công việc nghiên cứu, thăm dò, xây dựng các kế hoạch đầu tư dài hạn ...nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp

c/ Chi phí về bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả, mua bản quyền tác giả, nhận chuyển giao công nghệ: Là toàn bộ những chi phí thực tế doanh nghiệp chi ra cho các công trình nghiên cứu (được Nhà nước cấp bằng) các chi phí này có tác dụng phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

d/ Chi phí về lợi thế kinh doanh: Là khoản chi cho phần chênh lệch doanh nghiệp phải trả thêm. Khi doanh nghiệp đi mua, nhận sát nhập, hợp nhất một doanh nghiệp khác. Lợi thế này được hình thành bởi ưu thế về kinh doanh, về danh tiếng và uy tín, về trình độ tay nghề...

3. Xác định nguyên giá TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên giá phản ánh ở đơn vị thuê là phần chênh lệch giữa tổng số nợ dài hạn trừ tổng số tiền lãi đơn vị thuê phải trả cho suốt thời gian thuê ghi trong hợp đồng thuê TSCĐ.

Phương pháp xác định nguyên giá TSCĐ thuê TSCĐ thuê tài chính như sau:

1. Nếu hợp đồng thuê TSCĐ có quy định tỷ lệ lãi suất phải trả theo năm thì nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê TSCĐ chính là giá trị hiện tại của các khoản chi trong tương lai được xác định theo công thức:

$$NG = \frac{G}{(1+i)} + \frac{G}{(1+i)^2} + \dots + \frac{G}{(1+i)^n}$$

$$NG = \sum_{t=1}^n G \times \frac{1}{(1+i)^t}$$

Trong đó:

NG: Là nguyên giá TSCĐ thuê tài chính.

G: Là giá trị các khoản chi bên thuê phải trả mỗi năm theo hợp đồng thuê.

i : Là lãi suất vay vốn tính theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài chính.

n : Là thời hạn thuê TSCĐ theo hợp đồng thuê TSCĐ.

2. Nếu trong hợp đồng thuê TSCĐ đã xác định tổng số tiền bên đi thuê phải trả cho cả giai đoạn thuê, trong đó ghi rõ số tiền lãi phải trả cho mỗi năm thì nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê được xác định là:

Tổng số tiền	Số tiền	Số năm
Nguyên giá = phải trả theo	lãi phải trả	x thuê
hợp đồng	mỗi năm	TSCĐ

III. KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH :

1. Hao mòn TSCĐ

a/ Hao mòn hữu hình TSCĐ :

Hao mòn hữu hình TSCĐ là sự hao mòn về vật chất, về giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng. Về mặt vật chất đó là sự hao mòn có thể nhận thấy được từ sự thay đổi trạng thái vật lý ban đầu ở các bộ phận, chi tiết TSCĐ dưới sự tác động của ma sát, tải trọng, nhiệt độ, hóa chất ...

Về giá trị sử dụng đó là sự giảm sút về chất lượng, tính năng kỹ thuật ban đầu trong quá trình sử dụng và cuối cùng không còn sử dụng được nữa. Muốn khôi phục lại giá trị sử dụng của nó phải tiến hành sửa chữa, thay thế

. Về mặt giá trị đó là sự giảm dần giá trị của TSCĐ cùng với qua trình chuyển dịch dần từng phần giá trị hao mòn vào giá trị sản phẩm sản xuất. Đối với các TSCĐ vô hình, hao mòn hữu hình chỉ thể hiện ở sự hao mòn về mặt giá trị.

Nguyên nhân và mức độ hao mòn hữu hình trước hết phụ thuộc vào các nhân tố trong quá trình sử dụng TSCĐ như thời gian và cường độ sử dụng, việc chấp hành các quy phạm kỹ thuật trong sử dụng và bảo dưỡng TSCĐ.

Tiếp đến là các nhân tố về tự nhiên và môi trường sử dụng TSCĐ. Ví dụ như độ ẩm, nhiệt độ môi trường, tác động của các chất hóa học ... Ngoài ra, mức độ hao mòn hữu hình cũng phụ thuộc vào chất lượng chế tạo TSCĐ. Ví dụ như chất lượng nguyên vật liệu được sử dụng; trình độ kỹ thuật, công nghệ chế tạo ...

Việc nhận thức rõ các nguyên nhân ảnh hưởng đến mức hao mòn hữu hình TSCĐ sẽ giúp doanh nghiệp có biện pháp cần thiết, hữu hiệu để hạn chế nó.

b/ Hao mòn vô hình

Hao mòn vô hình là sự giảm sút về giá trị trao đổi của TSCĐ do ảnh hưởng của tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Hao mòn vô hình loại 1

TSCĐ bị giảm giá trị trao đổi do đã có những TSCĐ như cũ song giá mua lại rẻ hơn. Tỷ lệ hao mòn vô hình loại 1 được xác định theo công thức

$$V1 = \frac{G_{đ} - G_h}{G_{đ}} \times 100$$

Trong đó : V1 : Tỷ lệ hao mòn vô hình loại 1

$G_{đ}$: giá mua ban đầu của TSCĐ

G_h : giá mua hiện tại của TSCĐ

- Hao mòn vô hình loại 2

TSCĐ bị giảm giá trị trao đổi do có những TSCĐ mới tuy mua với giá cũ nhưng lại hoàn thiện hơn về mặt kỹ thuật. Tỷ lệ hao mòn vô hình loại 2 được xác định theo công thức :

$$V2 = \frac{G_k}{G_d} \times 100$$

Trong đó:

V2 : Tỷ lệ hao mòn vô hình loại 2

G_k : Giá trị của TSCĐ cũ không chuyển dịch được vào giá trị sản phẩm

G_d : Giá mua ban đầu của TSCĐ

2. Khấu hao TSCĐ và các phương pháp tính khấu hao TSCĐ

a/ Khái niệm :

Khấu hao TSCĐ là việc chuyển dịch phần giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng vào giá trị sản phẩm sản xuất ra theo các phương pháp tính toán thích hợp.

Mục đích của khấu hao TSCĐ là nhằm tích lũy vốn để tái sản xuất giản đơn hoặc tái sản xuất mở rộng TSCĐ. Bộ phận giá trị hao mòn được chuyển dịch vào giá trị sản phẩm được coi là một yếu tố chi phí sản xuất sản phẩm được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ gọi là tiền khấu hao TSCĐ. Số tiền khấu hao được tích lũy lại hình thành nên quỹ khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp.

b/Các phương pháp tính khấu hao TSCĐ

b1/ Phương pháp khấu hao đường thẳng :

Mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho TSCĐ theo công thức sau :

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm sử dụng chia cho 12 tháng.

b2/ Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh :

Phương pháp được xác định như sau :

- Xác định thời gian sử dụng của TSCĐ : theo quy định tại chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành kèm theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính .
- Xác định mức trích khấu hao TSCĐ theo công thức :

Mức khấu hao hàng năm của TSCĐ $\frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Số năm sử dụng}}$ \times Tỷ lệ khấu hao nhanh

Trong đó :

Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức :

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}}$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau :

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo pp đường thẳng}(\%) = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}$$

Hệ số điều chỉnh được xác định theo thời gian sử dụng của TSCĐ.

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ

3/ Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

Mức trích khấu hao năm của TSCĐ = Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm x Mức trích khấu hao bình quân cho một đơn vị sản phẩm

b4/ Phương pháp khấu hao tổng số:

Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ = Nguyên giá TSCĐ x Tỷ lệ khấu hao nhanh

Tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức:

Tỷ lệ khấu hao nhanh (%) = $\frac{\text{Số năm phục vụ còn lại của TSCĐ}}{\text{Tổng số dãy số năm phục vụ của TSCĐ}}$

IV . SỬA CHỮA – NÂNG CẤP TSCĐ

1/ Sửa chữa TSCĐ:

Để duy trì và khôi phục năng lực hoạt động của TSCĐ, đơn vị vẫn phải tiến hành sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn TSCĐ.

a) Đối với chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ: Khi phát sinh trực tiếp hạch toán vào giá thành.

b) Đối với chi phí sửa chữa lớn: Chi phí sửa chữa thực tế tính vào chi phí trong năm, nếu chi phí một lần quá lớn thì được phân bổ trong năm sau.

2/ Nâng cấp TSCĐ:

Là hoạt động nhằm kéo dài thời gian sử dụng, nâng cao năng suất, tính năng, tác dụng của TSCĐ

V . LẬP KẾ HOẠCH KHẤU HAO TSCĐ VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ KHẤU HAO TSCĐ CỦA DOANH NGHIỆP.

Trình tự và nội dung lập kế hoạch khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp thường bao gồm những vấn đề chủ yếu sau đây:

+Xác định phạm vi TSCĐ phải tính khấu hao và tổng nguyên giá TSCĐ phải tính khấu hao đầu kỳ kế hoạch.

Những TSCĐ không phải tính khấu hao bao gồm:

+ TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng được cơ quan có thẩm quyền cho phép đưa vào bảo quản, cất trữ hoặc điều động cho doanh nghiệp khác.

+TSCĐ thuộc dự trữ Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý hộ, giữ hộ.

- + TSCĐ hoạt động phức lợi trong doanh nghiệp
- + TSCĐ không tham gia vào hoạt động kinh doanh.
- + TSCĐ đã khấu hao hết song vẫn sử dụng vào SXKD.
- + TSCĐ đang trong thời gian chờ thanh lý.

TSCĐ tăng, giảm, ngừng tham gia hoạt động kinh doanh (đưa vào cất giữ, thanh lý...) trong tháng sẽ được trích hoặc thôi trích khấu hao từ ngày đầu của tháng tiếp theo.

Giá trị bình quân TSCĐ tăng thêm hoặc giảm bớt trong kỳ kế hoạch được xác định theo công thức:

$$\overline{NG}_t = \frac{NG_t \times T_{sd}}{12}$$

$$\overline{NG}_g = \frac{NG_g \times (12 - T_{sd})}{12}$$

Trong đó:

\overline{NG}_t : Nguyên giá bình quân TSCĐ phải tính khấu hao tăng trong kỳ

\overline{NG}_g : Nguyên giá bình quân TSCĐ phải tính khấu hao giảm trong kỳ

NG_t : Nguyên giá TSCĐ phải tính khấu hao tăng trong kỳ

NG_g : Nguyên giá TSCĐ phải tính khấu hao giảm trong kỳ

Tsd : Số tháng sử dụng TSCĐ trong năm kế hoạch

Sau khi xác định được nguyên giá bình quân TSCĐ phải tính khấu hao tăng giảm trong kỳ. Nguyên giá bình quân TSCĐ phải tính khấu hao trong năm kế hoạch sẽ được tính theo công thức:

$$\overline{NGkh} = NGđ + \overline{NG} t - \overline{NG}g$$

Trong đó:

\overline{NGkh} : Nguyên giá bình quân TSCĐ phải tính khấu hao.

$NGđ$: Nguyên giá TSCĐ ở đầu kỳ phải tính khấu hao.

-Xác định mức khấu hao hàng năm:

$$\overline{Mkh} = \overline{NGkh} \times \overline{Tkh}$$

Mkh : Mức khấu hao bình quân hàng năm.

Tkh : Tỷ lệ khấu hao bình quân hàng năm.

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả số tiền khấu hao các doanh nghiệp cần dự kiến phân phối trích tiền khấu hao trong kỳ. Điều này tùy thuộc vào cơ cấu nguồn vốn đầu tư ban đầu để hình thành TSCĐ của doanh nghiệp

- Đối với các TSCĐ được mua sắm từ nguồn vốn chủ sở hữu, các doanh nghiệp được chủ động sử dụng toàn bộ số tiền khấu hao lũy kế thu được để tái đầu tư, đổi mới TSCĐ của mình.

- Đối với TSCĐ được mua sắm từ nguồn vốn đi vay, về nguyên tắc doanh nghiệp phải sử dụng số tiền trích khấu hao thu được để trả vốn vay và lãi vay. Tuy nhiên khi chưa đến kỳ trả nợ, doanh nghiệp cũng có thể tạm thời sử dụng vào các mục đích kinh doanh khác để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay của doanh nghiệp.

VII. HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỐ ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP.

1/ Các chỉ tiêu tổng hợp:

a- Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn cố định:

$$\text{Hiệu suất sử dụng VCD} = \frac{\text{Doanh thu (hoặc doanh thu thuần) trong kỳ}}{\text{Số vốn cố định bình quân trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh 1 đồng VCD có thể tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu trong kỳ.

Số VCD bình quân trong kỳ được tính theo phương pháp bình quân số học giữa số VCD ở đầu kỳ và cuối kỳ.

$$\text{Số VCD bình quân trong kỳ} = \frac{\text{Số VCD đầu kỳ} + \text{Số VCD cuối kỳ}}{2}$$

Trong đó số VCD ở đầu kỳ (hoặc cuối kỳ) được tính theo công thức:

Số VCD ở đầu kỳ = Nguyên giá TSCĐ ở đầu kỳ (hoặc cuối kỳ) - Số tiền khấu hao lũy kế ở đầu kỳ (hoặc cuối kỳ)

Số tiền khấu hao lũy kế ở cuối kỳ = Số tiền khấu hao ở đầu kỳ + tăng trong kỳ - giảm trong kỳ

b- Chỉ tiêu hàm lượng VCD:

Hàm lượng vốn cố định = $\frac{\text{Số vốn cố định bình quân trong kỳ}}{\text{Doanh thu hoặc doanh thu thuần trong kỳ}}$

Nó phản ánh để tạo ra 1 đồng doanh thu hoặc doanh thu thuần thì cần bao nhiêu đồng vốn cố định.

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận vốn cố định:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận VCFĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế (hoặc sau thuế) thu nhập}}{\text{Số vốn cố định bình quân trong kỳ}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này phản ánh 1 đồng vốn cố định trong kỳ có thể tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế (hoặc sau thuế) thu nhập.

2/ Một số chỉ tiêu phân tích:

- **Hệ số hao mòn TSCĐ:** Phản ánh mức độ hao mòn của TSCĐ trong doanh nghiệp so với thời điểm đầu tư ban đầu.

$$\text{Hệ số hao mòn TSCĐ} = \frac{\text{Số tiền khấu hao lũy kế}}{\text{Nguyên giá TSCĐ ở thời điểm đánh giá}}$$

- **Hiệu suất sử dụng TSCĐ:** Phản ánh 1 đồng TSCĐ trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu hoặc doanh thu thuần.

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu (hoặc doanh thu thuần) trong kỳ}}{\text{Nguyên giá TSCĐ bình quân trong kỳ}}$$

- **Hệ số trang bị TSCĐ cho 1 công nhân trực tiếp sản xuất:** Phản ánh giá trị TSCĐ bình quân trang bị cho 1 công nhân trực tiếp sản xuất.

$$\text{Hệ số trang bị TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ bình quân trong kỳ}}{\text{Số lượng công nhân trực tiếp sản xuất}}$$